

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6499/QĐ-UBND**

Hà Đông, ngày **02** tháng **11** năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 6) đối với hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong quy hoạch dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), địa bàn phường Yết Kiêu, quận Hà Đông**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai 2013; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 23/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội V/v phê duyệt dự án đầu tư Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND thành phố Hà Nội V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) - Giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội v/v ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024;

Căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất; kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền thuê đất; xác định giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu thoát nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa);

Thực hiện Thông báo số 7979/TB-STC ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính Hà Nội thông báo mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm năm 2023;

Căn cứ Biên bản xác định mốc giới ngày 25/8/2017 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;

Thực hiện Thông báo của UBND quận Hà Đông về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), thuộc địa bàn phường Yết Kiêu, quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-SXD ngày 04/7/2023 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt giá bán nhà chung cư tái định cư năm 2023 đối với nhà NO6 và

N07 khu 5,3ha phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy để phục vụ công tác GPMB trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Thực hiện Văn bản số 4913/SXD-QLN ngày 07/7/2023 của Sở xây dựng về việc thông báo diện tích, vị trí căn hộ tái định cư dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt Quy chế của Hội đồng BTHT&TĐC về việc bốc thăm vị trí nhà tái định cư tại Nhà N06 và N07 khu 5,03ha Dịch Vọng, quận Cầu Giấy để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), thuộc địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Căn cứ kết quả biên bản bốc thăm vị trí nhà tái định cư ngày 28/8/2023 của HĐBTHT & TĐC quận Hà Đông;

Theo đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông tại Tờ trình số 231/TTr-PTQĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 6) đối với hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất, tài sản trên đất nằm trong quy hoạch dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn phường Yên Kiêu, quận Hà Đông.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 6) đối với các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong quy hoạch dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), địa bàn phường Yên Kiêu, quận Hà Đông như sau:

#### **I. Phương án bồi thường, hỗ trợ:**

##### **1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

##### **1.1. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ về đất khi nhà nước thu hồi đất:**

- Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND Thành phố quyết định. Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì được xem xét để bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi.

- Đơn giá bồi thường đất ở: Thực hiện theo Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu thoát nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) thuộc địa bàn quận Hà Đông: Cụ thể đơn giá ở địa bàn phường Yên Kiêu:

+ Vị trí 1 đường Phan Huy Chú (đoạn từ đầu đường đến cuối đường) là 29.612.000 đ/m<sup>2</sup>.

##### **1.2. Phương án bồi thường cụ thể:**

Căn cứ Giấy xác nhận của UBND phường Yết Kiêu các ngày 25/11/2020; 17/12/2020; 24/12/2020; 31/12/2020 24/12/2020; 30/6/2022; Giấy xác nhận điều chỉnh bổ sung ngày 02/11/2022 đối với tổng diện tích 1.691,8m<sup>2</sup> đất 20 hộ gia đình đang sử dụng nằm vào quy hoạch dự án thể hiện:

+ 214,1m<sup>2</sup> đất của 12 hộ gia đình bị thu hồi vào dự án có nguồn gốc là đất do Công ty Máy kéo và Máy nông nghiệp quản lý, sử dụng (nhà trạm xá nhận bàn giao từ C500). Quá trình quản lý, Công ty Máy kéo và Máy nông nghiệp phân gian nhà được giao cho các hộ gia đình sử dụng (diện tích đất bị thu hồi đã được thống kê trên bản đồ 1999, đúng tên kê khai sử dụng đất là của hộ gia đình). Căn cứ Điều 75, Điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

+ 835,0m<sup>2</sup> đất của 18 hộ gia đình bị thu hồi vào dự án có nguồn gốc là đất hành lang kênh La Khê do UBND phường quản lý. Quá trình quản lý 18 hộ gia đình, cá nhân đã tự lấn, chiếm sử dụng đất để ở, thời điểm trước ngày 15/10/1993. Căn cứ Điều 75, Điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường về đất.

+ 614,3m<sup>2</sup> đất của 20 hộ gia đình bị thu hồi vào dự án có nguồn là đất hành lang kênh La Khê do UBND phường quản lý. Quá trình quản lý 20 hộ gia đình, cá nhân đã tự lấn, chiếm sử dụng đất để ở, thời điểm từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/4/2004. Căn cứ Điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường về đất.

+ 28,4m<sup>2</sup> đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lan bị thu hồi vào dự án có nguồn là đất hành lang kênh do UBND phường quản lý. Quá trình quản lý hộ gia đình bà Lan đã tự lấn, chiếm sử dụng đất để ở, thời điểm từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014. Căn cứ Điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường về đất.

## **2. Về phương án tái định cư:**

Căn cứ Giấy xác nhận của UBND phường Yết Kiêu các ngày 25/11/2020; 17/12/2020; 24/12/2020; 31/12/2020 24/12/2020; 30/6/2022; Giấy xác nhận điều chỉnh bổ sung ngày 02/11/2022: Đối với 25 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi diện tích đất đang sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; trong đó:

(1) Đối với 20 hộ gia đình, cá nhân: <sup>(1)</sup>Phan Thị Thoạt, <sup>(2)</sup>Dương Văn Tường, <sup>(3)</sup>Trần Văn Thành, <sup>(4)</sup>Bùi Thị Nghĩa, <sup>(5)</sup>Nguyễn Thị Hằng, <sup>(6)</sup>Lê Thị Lại, <sup>(7)</sup>Nguyễn Thị Tâm, <sup>(8)</sup>Kim Thị Đề, <sup>(9)</sup>Dương Thị Sinh, <sup>(10)</sup>Phạm Trọng Yên, <sup>(11)</sup>Vũ Thị Lai, <sup>(12)</sup>Đào Thị Bích Liên, <sup>(13)</sup>Đào Thị Độ, <sup>(14)</sup>Vũ Thị Thanh Thủy, <sup>(15)</sup>Giang Thị Hạnh, <sup>(16)</sup>Nguyễn Thị Lan, <sup>(17)</sup>Phạm Xuân Cường, <sup>(18)</sup>Nguyễn Thị Tính, <sup>(19)</sup>Trương Thị Thắng, <sup>(20)</sup>Phạm Xuân Mạnh bị thu hồi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng; đang ăn ở tại địa chỉ GPMB; phải phá dỡ toàn bộ nhà ở; phải di chuyển chỗ ở; không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Yết Kiêu, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ GPMB. Căn cứ Khoản 4 Điều 6, Khoản 5 Điều 7 Nghị định 47/NĐ-Cp ngày 15/5/2014; Khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, được mua 01 căn hộ trung cư theo giá quy định của UBND Thành phố nhân với hệ số điều chỉnh K=1,3.

(2) Đối với 05 hộ gia đình, cá nhân đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ của UBND quận Hà Đông ngày 31/12/2021 nhưng chưa có phương án tái định cư nay bổ sung phương án tái định cư: <sup>(1)</sup>Nguyễn Thị Kim Anh, <sup>(2)</sup> Nguyễn Thị Quyến, <sup>(3)</sup> Nguyễn Thị Tám, <sup>(4)</sup> Nguyễn Thị Toán, <sup>(5)</sup> Bùi Thị Thịnh.

- Địa điểm tái định cư: Dự án được chấp thuận tại văn bản số 3388/SXD-QLN ngày 23/5/2023 của Sở Xây dựng về việc quỹ nhà tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa, quận Hà Đông;

- Nguyên tắc bố trí tái định cư:

Các hộ đảm bảo đủ điều kiện tái định cư theo quy định:

+ Tại khoản 4, Điều 6, Nghị định 47/2014/CP ngày 15/5/2014 của chính phủ: "Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất".

+ Tại khoản 2, Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của thành phố Hà Nội: "Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được mua một căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nhà tái định cư của thành phố theo giá quy định của UBND thành phố nhân với hệ số điều chỉnh  $K=1,3$ ".

- Vị trí, diện tích mua nhà tái định cư cụ thể:

Căn cứ biên bản bốc thăm căn hộ của Hội đồng BTHT và TĐC ngày 28/8/2023; Biên bản ngày 18/7/2023 về việc xác định vị trí căn hộ, hướng căn hộ, tầng căn hộ của căn hộ tái định cư tại nhà N06 và N07 khu 5,03ha Dịch Vọng quận Cầu Giấy để phục vụ công tác GPMB thực hiện các dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa địa bàn quận Hà Đông. Cụ thể như sau:

Số TT	Chủ sử dụng đất	Căn hộ được mua TĐC						Hệ số $K=1,3$
		Ký hiệu	Tầng	Hướng	Căn	m <sup>2</sup>	Đơn giá	Thành tiền phải nộp tạm tính (đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	$9=7*8*1,3$
1	Phan Thị Thoạt (đã chết) - con là Từ Việt Hùng - Từ Thanh Hương (đại diện)	N06-208	2	Đông Nam	Góc	55,10	20.070.600	1.437.657.078

2	Dương Văn Tường	N06-209	2	Đông Nam	Thường	55,81	19.340.800	1.403.233.062
3	Trần Văn Thành	N06-508	5	Đông Nam	Góc	55,10	21.201.700	1.518.677.771
4	Bùi Thị Nghĩa (đã chết) - con là Nguyễn Lương Tùng (đại diện)	N07-409	4	Tây Nam	Thường	55,41	18.931.500	1.363.692.740
5	Nguyễn Thị Hằng	N06-201	2	Đông Nam	Thường	55,81	19.340.800	1.403.233.062
6	Lê Thị Lại	N06-904	9	Tây Bắc	Thường	55,81	20.645.200	1.497.871.196
7	Nguyễn Thị Tâm	N06-1007	10	Tây Bắc	Thường	55,81	20.988.000	1.522.742.364
8	Kim Thị Đề (đã chết) - chồng là Nguyễn Hùng Úng (đại diện)	N06-908	9	Đông Nam	Góc	55,10	22.709.700	1.626.695.811
9	Dương Thị Sinh	N06-405	4	Tây Bắc	Thường	54,76	18.931.500	1.347.695.622
10	Phạm Trọng Yên	N06-1301	13	Đông Nam	Thường	55,81	24.245.400	1.759.076.506
11	Vũ Thị Lai	N06-409	4	Đông Nam	Thường	55,81	20.067.400	1.455.950.072
12	Đào Thị Bích Liên	N06-1106	11	Tây Bắc	Thường	55,81	21.330.700	1.547.606.277
13	Đào Thị Độ	N06-1307	13	Tây Bắc	Thường	55,81	22.873.000	1.659.504.769
14	Vũ Thị Thanh Thủy	N06-309	3	Đông Nam	Thường	55,81	19.704.000	1.429.584.312

15	Giang Thị Hạnh	N06-1204	12	Tây Bắc	Thường	55,81	21.673.400	1.572.470.190
16	Nguyễn Thị Lan	N06-705	7	Tây Bắc	Thường	54,76	19.959.700	1.420.891.124
17	Phạm Xuân Cường	N06-410	4	Đông Nam	Thường	55,81	20.067.400	1.455.950.072
18	Nguyễn Thị Tính	N06-808	8	Đông Nam	Góc	55,10	22.332.600	1.599.684.138
19	Trương Thị Thắng	N06-605	6	Tây Bắc	Thường	54,76	19.617.000	1.396.494.996
20	Phạm Xuân Mạnh	N06-809	8	Đông Nam	Thường	55,81	21.520.500	1.561.376.837
21	Nguyễn Thị Kim Anh	N06-1201	12	Đông Nam	Thường	55,81	22.973.800	1.666.818.111
22	Nguyễn Thị Quyển	N06-1208	12	Đông Nam	Góc	55,10	23.840.700	1.707.709.341
23	Nguyễn Thị Tám	N06-1410	14	Đông Nam	Thường	55,81	24.645.000	1.788.068.685
24	Nguyễn Thị Toán	N06-308	3	Đông Nam	Góc	55,10	20.447.600	1.464.661.588
25	Bùi Thị Thịnh	N06-1210	12	Đông Nam	Thường	55,81	22.973.800	1.666.818.111

### 3. Về công trình, vật kiến trúc:

- Đối với công trình, vật kiến trúc xây dựng (không hợp pháp). Theo nội dung xác nhận của UBND phường Yên Kiêu. Áp dụng Điều 14, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể:

+ Công trình, vật kiến trúc có thời điểm xây dựng từ trước 15/10/1993; không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, được hỗ trợ bằng 80% đơn giá xây dựng mới theo quy định.

+ Công trình, vật kiến trúc có thời điểm xây dựng từ sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004; không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, được hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới theo quy định.

+ Công trình, vật kiến trúc có thời điểm xây dựng từ sau 01/7/2004 đến trước 01/7/2014, được hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng mới theo quy định.

+ Công trình, vật kiến trúc có thời điểm xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ.

+ Công trình, vật kiến trúc có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, được hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng mới theo quy định.

- Về khối lượng, chủng loại được thực hiện theo Biên bản kiểm đếm thực tế trên diện tích đất bị thu hồi của Tổ công tác GPMB dự án.

- Đơn giá tính bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội.

#### **4. Về cây cối, hoa màu:**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Cụ thể:

- Về khối lượng, chủng loại được thực hiện theo Biên bản kiểm đếm thực tế trên diện tích đất bị thu hồi của Tổ công tác GPMB dự án.

- Giá bồi thường, hỗ trợ cây, hoa màu: Thực hiện theo thông báo số 7979/TB-STC ngày 30/12/2022 của Sở Tài Chính thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, sản lượng cá phục vụ công tác GPMB trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

- Đối với cây cối, hoa màu trồng trên đất hành lang kênh của các hộ gia đình đã được ghi nhận kích thước, chủng loại tại biên bản kiểm đếm của Tổ công tác GPMB dự án; trong đó đối tiền bồi thường hỗ trợ cây cối các hộ chưa nhận được nhưng trồng trên phần diện tích đất đã được UBND quận Hà Đông phê duyệt phương án BTHT (giai đoạn 1) tại Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 là 12.174,0m<sup>2</sup> đã phê duyệt phương án BT, HT nhưng chưa ban hành Quyết định thu hồi đất không được bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu.

#### **5. Chính sách hỗ trợ khác:**

##### **5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:**

Thực hiện khoản 1, Điều 24, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Cụ thể:

+ 20 hộ gia đình, cá nhân: <sup>(1)</sup>Phan Thị Thoạt, <sup>(2)</sup>Dương Văn Tường, <sup>(3)</sup>Trần Văn Thành, <sup>(4)</sup>Bùi Thị Nghĩa, <sup>(5)</sup>Nguyễn Thị Hằng, <sup>(6)</sup>Lê Thị Lại, <sup>(7)</sup>Nguyễn Thị Tâm, <sup>(8)</sup>Kim Thị Đề, <sup>(9)</sup>Dương Thị Sinh, <sup>(10)</sup>Phạm Trọng Yên, <sup>(11)</sup>Vũ Thị Lai, <sup>(12)</sup>Đào Thị Bích Liên, <sup>(13)</sup>Đào Thị Độ, <sup>(14)</sup>Vũ Thị Thanh Thủy, <sup>(15)</sup>Giang Thị Hạnh, <sup>(16)</sup>Nguyễn Thị Lan, <sup>(17)</sup>Phạm Xuân Cường, <sup>(18)</sup>Nguyễn Thị Tính, <sup>(19)</sup>Trương Thị Thắng, <sup>(20)</sup>Phạm Xuân Mạnh bị thu hồi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng; phải phá dỡ toàn bộ công trình nhà ở; đang ăn ở tại địa chỉ GPMB; phải di chuyển chỗ ở, được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền cho các nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất là 6 tháng.

- Mức hỗ trợ là 30kg gạo/khẩu/tháng.

- Đơn giá gạo được quy định tại Thông báo số 7979/TB-STC ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính Hà Nội là 16.000đồng/kg.



### 5.2. Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm di chuyển tạm cư:

Thực hiện khoản 2 Điều 24, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Cụ thể:

+ Có 20 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết diện tích đất đang sử dụng, không được bồi thường về đất, nên không được hỗ trợ khoản này.

### 5.3. Hỗ trợ gia đình chính sách:

Thực hiện khoản 3 Điều 24, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Cụ thể: có 03 hộ gia đình, cá nhân <sup>(1)</sup>Trần Văn Thành, <sup>(2)</sup>Bùi Thị Nghĩa có chồng là Nguyễn Lương Hàn, <sup>(3)</sup>Đào Thị Bích Liên có chồng là Nguyễn Gia Sang là người có công với cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học có văn bản xác nhận số 284/LĐT BXH ngày 21/11/2022 của phòng Lao động và Thương binh xã hội, 03 hộ gia đình mỗi gia đình được hỗ trợ 3.000.000 đồng/ chủ sử dụng nhà, đất.

### 5.4. Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:

Thực hiện quy định tại khoản 4, Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Cụ thể:

+ Có 20 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng, phải phá dỡ toàn bộ nhà ở, được thưởng 3.000.000đ/chủ sử dụng nhà, đất khi di chuyển, bàn giao mặt bằng đúng ngày quy định.

### 5.5. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:

Thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 15 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Cụ thể đất của 20 hộ gia đình bị thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất, nên không được khoản hỗ trợ này.

### III. TIỀN NỢP MUA CĂN HỘ TÁI ĐỊNH CƯ (DỰ KIẾN):

- 25 hộ mua căn hộ chung cư theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội với tổng diện tích được mua là 1.387,4m<sup>2</sup> (tạm tính) và số tiền phải nộp (tạm tính) là 38.274.163.836 đồng.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

### IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ BTHT:

TT	Tên danh mục	Đ/v tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)
1	Đất chưa được cấp GCN QSDĐ không đủ điều kiện bồi thường	m <sup>2</sup>	1691,8			0
2	Công trình, vật kiến trúc:					3.148.644.623
3	Cây, cối, hoa, màu					2.110.400
4	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản	Hộ	0		100	0
5	Các khoản hỗ trợ khác:					400.200.000

-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: (Hỗ trợ 06 tháng đối với 20 hộ (30kg gạo x 16.000 đồng x 6 tháng = 2.880.000 đồng/khẩu).	Khẩu	115	2.880.000	100	331.200.000
-	Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm di chuyển tạm cư:	khẩu			100	0
-	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở (Điểm e, khoản 3, Điều 24, QĐ 10):	Hộ	03	3.000.000	100	9.000.000
-	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (khoản 4, điều 24, QĐ 10)	Hộ	20	3.000.000	100	60.000.000
<b>6</b>	<b>Cộng (1+2+3+4+5):</b>					<b>3.550.955.023</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí công tác GPMB:</b>			$3.550.955.023 * 2 / 100$		<b>71.019.100</b>
<b>8</b>	<b>Tổng cộng (6+7):</b>					<b>3.621.974.123</b>

(Có biểu tổng hợp và phương án chi tiết kèm theo)

**Tổng tiền BT, HT Làm tròn: 3.621.974.000 đồng.**

*Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng./.*

Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu của phương án bồi thường, hỗ trợ.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí: Chủ đầu tư dự án: Ban quản lý và duy tu các công trình Nông nghiệp nông thôn Hà Nội có trách nhiệm cấp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng các ngành: Văn phòng HĐND&UBND quận, Tài chính Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý Đô thị, Kinh tế, Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông, UBND phường Yên Kiêu, Chủ đầu tư dự án, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Xuân Hà**

**BIỂU TỌNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây Hà Nội  
(Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), thuộc địa bàn phường Yên Kiêu, quận Hà Đông

(Kèm theo Quyết định số **6499** /QĐ-UBND ngày **02** tháng **11** năm 2023 của UBND quận Hà Đông)

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số hộ	Số nhân khẩu	Tổng hợp diện tích đất										Tổng hợp tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB									
							Tổng diện tích đang sử dụng (m2)	Diện tích đất thu hồi vào dự án (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê đề ở trước ngày 15/10/1993	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê đề ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Sử dụng đất để hành lang kênh La Khê ở từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Sử dụng đất do CT Máy kéo và Máy nông nghiệp phân nhà, vật liệu xây dựng, được thống kê trên bản đồ 1999	Diện tích đất hành lang kênh, giao thông	Diện tích nhỏ lẻ, không phù hợp quy hoạch thu hồi nốt	Diện tích còn lại	Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ về công trình (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ cây hoa màu (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở (đ)	Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư (đ)	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở (đ)	Thưởng tiền độ bàn giao MB đúng thời gian quy định (đ)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đ)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)	
																										11
1	Phan Thị Thoạt (đã chết) - con là Từ Việt Hùng - Từ Thanh Hương (đại diện)	Số 14 Phan Huy Chú, TDP6	44	2	1	4	51,2	51,2	0,0	13,0	30,2		8,0		0,0	0	89.690.677	0	11.520.000	0	3.000.000	0	104.210.677			
2	Dương Văn Tường	Số 20 Phan Huy Chú, TDP6	47	2	1	4	70,4	70,4	0,0	48,8	21,6				0,0	0	307.884.037	0	11.520.000	0	3.000.000		322.404.037			
3	Trần Văn Thành	Số 22 Phan Huy Chú, TDP6	54	2	2	9	179,8	179,8	0,0	132,7	47,1				0,0	0	455.517.613	335.150	25.920.000	0	3.000.000	3.000.000	0	487.772.763		
4	Bùi Thị Nghĩa (đã chết) - con là Nguyễn Lương Tùng (đại diện)	Số 24 Phan Huy Chú, TDP6	53	2	3	8	171,4	171,4	0,0	137,7	33,7				0,0	0	78.646.169	840.750	23.040.000	0	3.000.000	3.000.000	0	108.526.919		
5	Nguyễn Thị Hằng	Số 30 Phan Huy Chú, TDP7	50	2	1	3	76,1	76,1	0,0	27,0	31,1		18,0		0,0	0	289.407.767	0	8.640.000		3.000.000		301.047.767			
6	Lê Thị Lại	Số 34 Phan Huy Chú, TDP7	48	2	1	2	66,8	66,8	0,0	27,9	20,9		18,0		0,0	0	117.880.037	0	5.760.000		3.000.000		126.640.037			
7	Nguyễn Thị Tâm	Số 38 Phan Huy Chú, TDP7	57	2	2	10	83,2	83,2	0,0	33,4	28,8		21,0		0,0	0	164.577.876	0	28.800.000		3.000.000		196.377.876			

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số hộ	Số nhân khẩu	Tổng hợp diện tích đất										Tổng hợp tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB									
							Tổng diện tích đang sử dụng (m2)	Diện tích đất thu hồi vào dự án (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê để ở từ sau ngày 15/10/1993	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê ở từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Sử dụng đất do CT Máy kéo và Máy nông nghiệp phân nhà, vật liệu xây dựng, được thống kê trên bản đồ 1999	Diện tích đất hành lang kênh, giao thông	Diện tích nhỏ lẻ, không phù hợp quy hoạch thu hồi nốt	Diện tích còn lại	Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ về công trình (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ cây hoa màu (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở (đ)	Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư (đ)	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở (đ)	Thưởng tiền độ bàn giao MB đúng thời gian quy định (đ)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đ)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)		
																									11	13
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
8	Kim Thị Đê (đã chết) - chồng là Nguyễn Hùng Ứng (đại diện)	Số 40 Phan Huy Chú, TDP7	58	2	2	6	82,8	82,8	0,0	37,6	26,0		19,2		0,0	0	72.624.492	210.000	17.280.000			3.000.000		93.114.492		
9	Dương Thị Sinh	Số 42 Phan Huy Chú, TDP7	59	2	2	7	82,8	82,8	0,0	23,4	39,0		20,4		0,0	0	63.165.789	0	20.160.000			3.000.000		86.325.789		
10	Phạm Trọng Yên	Số 44 Phan Huy Chú, TDP7	60	2	1	3	75,9	75,9	0,0	32,2	25,7		18,0		0,0	0	219.194.700	0	8.640.000			3.000.000		230.834.700		
11	Vũ Thị Lai	Số 46 Phan Huy Chú, TDP7	61	2	3	11	76,7	76,7	0,0	35,3	22,8		18,6		0,0	0	81.207.410	0	31.680.000			3.000.000		115.887.410		
12	Đào Thị Bích Liên	Số 48 Phan Huy Chú, TDP7	62	2	2	6	72,5	72,5	0,0	34,3	21,1		17,1		0,0	0	97.211.650	0	17.280.000	3.000.000		3.000.000		120.491.650		
13	Đào Thị Độ	Số 50 Phan Huy Chú, TDP7	63	2	2	5	77,7	77,7	0,0	39,8	18,7		19,2		0,0	0	128.296.169	0	14.400.000	0		3.000.000		145.696.169		
14	Vũ Thị Thanh Thủy	Số 52 Phan Huy Chú, TDP7	64	2	0	1	59,6	59,6	0,0	28,0	13,6		18,0		0,0	0	66.583.466	0	5.760.000			3.000.000		75.343.466		
15	Giang Thị Hạnh	Số 20, ngõ 6, Chu Văn An, TDP1	11	1	1	3	29,4	29,4	0,0	23,7	5,7				0,0	0	217.533.655		8.640.000	0		3.000.000		229.173.655		

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số hộ	Số nhân khẩu	Tổng hợp diện tích đất										Tổng hợp tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB									
							Tổng diện tích đang sử dụng (m2)	Diện tích đất thu hồi vào dự án (m2)	DT được bồi thường (m2)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê để ở trước ngày 15/10/1993	Sử dụng đất hành lang kênh La Khê để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Sử dụng đất để hành lang kênh La Khê ở từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Sử dụng đất do CT Máy kéo và Máy nông nghiệp phân nhà, vật liệu xây dựng, được thống kê trên bản đồ 1999	Diện tích đất hành lang kênh, giao thông	Diện tích nhỏ lẻ, không phù hợp quy hoạch thu hồi nốt	Diện tích còn lại	Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ về công trình (đ)	Tiền bồi thường, hỗ trợ cây hoa màu (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở (đ)	Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư (đ)	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở (đ)	Thưởng tiền độ bàn giao MB đúng thời gian quy định (đ)	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản (đ)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
16	Nguyễn Thị Lan	Số 03, ngõ 6, Chu Văn An, TDP1	9	1	2	9	117,1	117,1	0,0	68,0	20,7	28,4			0,0	0	343.647.306		25.920.000	0		3.000.000		372.567.306		
17	Phạm Xuân Cường	Số 52, Phố Yết Kiêu, TDP1	2	1	1	4	93,6	93,6	0,0		93,6				0,0	0	81.610.470		11.520.000			3.000.000		96.130.470		
18	Nguyễn Thị Tinh	Số 02 Phan Huy Chú, TDP6	31	2	3	10	77,9	77,9	0,0	60,8	17,1				0,0	0	184.415.781	0	28.800.000	0		3.000.000	0	216.215.781		
19	Trương Thị Thắng	Số 36 Phan Huy Chú, TDP7	47	2	2	5	72,2	72,2	0,0	31,4	22,2		18,6		0,0	0	39.148.917	0	14.400.000			3.000.000		56.548.917		
20	Phạm Xuân Mạnh	Số 52, Phố Yết Kiêu, TDP1	3	1	2	4	88,3	74,7	0,0		74,7				0,0	0	50.400.643	724.500	11.520.000	0		3.000.000		65.645.143		
	<b>Tổng cộng</b>						1.705,4	1.691,8	0,0	835,0	614,3	28,4	214,1	0,0	13,6	0,0	0	3.148.644.623	2.110.400	331.200.000	0	9.000.000	60.000.000	0	3.550.955.023	



### BIỂU TỔNG HỢP

Phương án bố trí tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong quy hoạch thực hiện dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), thuộc địa bàn phường Yên Kiêu, quận Hà Đông

(Kèm theo Quyết định số: 6499/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND quận Hà Đông)

Số TT	Chủ sử dụng đất	Căn hộ được mua TĐC						Hệ số K =1,3		Tổng tiền tái định cư các hộ phải nộp (dự kiến) (đ)
		Ký hiệu	Tầng	Hướng	Căn	m2	Đơn giá	Diện tích (m2)	Thành tiền (đ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8*9*1,3	11
1	Phan Thị Thoạt (đã chết) - con là Từ Việt Hùng - Từ Thanh Hương (đại diện)	N06-208	2	Đông Nam	Góc	55,10	20.070.600	55,10	1.437.657.078	1.437.657.078
2	Dương Văn Tường	N06-209	2	Đông Nam	Thường	55,81	19.340.800	55,81	1.403.233.062	1.403.233.062
3	Trần Văn Thành	N06-508	5	Đông Nam	Góc	55,10	21.201.700	55,10	1.518.677.771	1.518.677.771
4	Bùi Thị Nghĩa (đã chết) - con là Nguyễn Lương Tùng (đại diện)	N07-409	4	Tây Nam	Thường	55,41	18.931.500	55,41	1.363.692.740	1.363.692.740
5	Nguyễn Thị Hằng	N06-201	2	Đông Nam	Thường	55,81	19.340.800	55,81	1.403.233.062	1.403.233.062
6	Lê Thị Lại	N06-904	9	Tây Bắc	Thường	55,81	20.645.200	55,81	1.497.871.196	1.497.871.196
7	Nguyễn Thị Tâm	N06-1007	10	Tây Bắc	Thường	55,81	20.988.000	55,81	1.522.742.364	1.522.742.364

Số TT	Chủ sử dụng đất	Căn hộ được mua TĐC						Hệ số K =1,3		Tổng tiền tái định cư các hộ phải nộp (dự kiến) (đ)
		Ký hiệu	Tầng	Hướng	Căn	m2	Đơn giá	Diện tích (m2)	Thành tiền (đ)	
8	Kim Thị Đề (đã chết) - chồng là Nguyễn Hùng Ứng (đại diện)	N06-908	9	Đông Nam	Góc	55,10	22.709.700	55,10	1.626.695.811	1.626.695.811
9	Dương Thị Sinh	N06-405	4	Tây Bắc	Thường	54,76	18.931.500	54,76	1.347.695.622	1.347.695.622
10	Phạm Trọng Yên	N06-1301	13	Đông Nam	Thường	55,81	24.245.400	55,81	1.759.076.506	1.759.076.506
11	Vũ Thị Lai	N06-409	4	Đông Nam	Thường	55,81	20.067.400	55,81	1.455.950.072	1.455.950.072
12	Đào Thị Bích Liên	N06-1106	11	Tây Bắc	Thường	55,81	21.330.700	55,81	1.547.606.277	1.547.606.277
13	Đào Thị Độ	N06-1307	13	Tây Bắc	Thường	55,81	22.873.000	55,81	1.659.504.769	1.659.504.769
14	Vũ Thị Thanh Thùy	N06-309	3	Đông Nam	Thường	55,81	19.704.000	55,81	1.429.584.312	1.429.584.312
15	Giang Thị Hạnh	N06-1204	12	Tây Bắc	Thường	55,81	21.673.400	55,81	1.572.470.190	1.572.470.190
16	Nguyễn Thị Lan	N06-705	7	Tây Bắc	Thường	54,76	19.959.700	54,76	1.420.891.124	1.420.891.124
17	Phạm Xuân Cường	N06-410	4	Đông Nam	Thường	55,81	20.067.400	55,81	1.455.950.072	1.455.950.072
18	Nguyễn Thị Tính	N06-808	8	Đông Nam	Góc	55,10	22.332.600	55,10	1.599.684.138	1.599.684.138

Số TT	Chủ sử dụng đất	Căn hộ được mua TĐC						Hệ số K=1,3		Tổng tiền tái định cư các hộ phải nộp (dự kiến) (đ)
		Ký hiệu	Tầng	Hướng	Căn	m2	Đơn giá	Diện tích (m2)	Thành tiền (đ)	
19	Trương Thị Thắng	N06-605	6	Tây Bắc	Thường	54,76	19.617.000	54,76	1.396.494.996	1.396.494.996
20	Phạm Xuân Mạnh	N06-809	8	Đông Nam	Thường	55,81	21.520.500	55,81	1.561.376.837	1.561.376.837
21	Nguyễn Thị Kim Anh	N06-1201	12	Đông Nam	Thường	55,81	22.973.800	55,81	1.666.818.111	1.666.818.111
22	Nguyễn Thị Quyển	N06-1208	12	Đông Nam	Góc	55,10	23.840.700	55,10	1.707.709.341	1.707.709.341
23	Nguyễn Thị Tám	N06-1410	14	Đông Nam	Thường	55,81	24.645.000	55,81	1.788.068.685	1.788.068.685
24	Nguyễn Thị Toán	N06-308	3	Đông Nam	Góc	55,10	20.447.600	55,10	1.464.661.588	1.464.661.588
25	Bùi Thị Thịnh	N06-1210	12	Đông Nam	Thường	55,81	22.973.800	55,81	1.666.818.111	1.666.818.111
<b>Tổng Cộng</b>						<b>1.387,4</b>		<b>1.387,4</b>	<b>38.274.163.836</b>	<b>38.274.163.836</b>



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hà